

**PHỤ LỤC THEO HƯỚNG DẪN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC J VINH**  
**BẢNG 1. LĨNH VỰC NHẬN THỨC (KIẾN THỨC)**

Mức năng lực	Mô tả mức độ	Ví dụ mô tả chuẩn đầu ra	Gợi ý động từ sử dụng để viết chuẩn đầu ra
Nhớ	Nhớ được các kiến thức đã học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại được các khái niệm về quản lý, lãnh đạo, tham mưu.</li> <li>- Nhắc lại các bước để giải hệ phương trình đại số tuyến tính bằng phương pháp khử Gauss.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận diện (Identify/Recognize)</li> <li>Nhớ lại (Recall/Retrieve)</li> <li>Nêu tên (Name)</li> <li>Mô tả (Describe)</li> <li>Gọi tên, gán tên (Label)</li> <li>Trích dẫn (Quote)</li> <li>Liệt kê (List)</li> <li>Nối (Match)</li> <li>Lựa chọn (Select/Choose)</li> <li>Vẽ (Draw)</li> <li>Định nghĩa (Define)</li> <li>Nhắc lại (Repeat)</li> <li>Chỉ ra (Point)</li> </ul>
	Hiểu vấn đề, nêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được khái niệm lãnh đạo với quản lý.</li> <li>- So sánh độ chính xác của phương pháp khử Gauss và phương pháp lặp Gauss-Seidel để giải hệ phương trình đại số tuyến tính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dịch (Translate)</li> <li>Phân loại (Classify/Sort)</li> <li>Tổng kết (Summarize)</li> <li>So sánh (Compare)</li> <li>Khái quát hóa (Generalize)</li> <li>Minh họa (Illustrate)</li> <li>Phân biệt (Distinguish)</li> </ul>

<p><b>Hiểu</b></p>	<p>vấn đề theo cách diễn đạt của bản thân</p>		<p>Sắp xếp lại (Rearrange/Reorder) Viết lại (Rewrite)</p> <p>Giải thích (Explain)</p> <p>Dự đoán (Predict) Nêu ví dụ (Exemplify) Suy luận (Infer) Diễn đạt (Express) Chi tiết hóa (Elaborate/Detail) Dự tính (Estimate) Bình luận (Comment) Liên hệ (Associate)</p>
<p><b>Vận dụng</b></p>	<p>Sử dụng kiến thức đã học trong một tình huống mới hoặc theo một cách mới</p>	<p>- Vận dụng kiến thức chuyên sâu về chính trị học vào nghiên cứu hoạt động quản lý, lãnh đạo, tham mưu của học viên trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị</p>	<p>Vận dụng (Apply) Sử dụng (Use/Utilize) Triển khai (Execute) Thực hiện (Implement) Vận hành (Operate) Đo lường (Measure) Điều chỉnh (Adapt/Modify) Chuyển hóa (Transfer/Convert) Khám phá (Explore) Giải quyết (Solve) Tính toán (Calculate) Thay đổi (Change) Xây dựng (Construct) Thiết lập (Establish) Điều tra (Investigate) Mở rộng (Expand) Tái cấu trúc (Restructure) Thể hiện (Demonstrate)</p>
	<p>- Phân loại, sắp xếp, phân biệt các khái niệm và thành phần của một vấn đề để hiểu được mối liên hệ giữa các thành phần và cấu trúc nội tại của vấn đề</p>		<p>Phân loại (Classify)</p>

<p><b>Phân tích, Đánh giá</b></p>	<p>- Đưa ra các kết luận về giá trị của vấn đề</p>	<p>- Phân tích được mối quan hệ giữa lãnh đạo, quản lý và bối cảnh nghề nghiệp của học viên.</p>	<p>Phân biệt (Disriminate)</p> <p>Tổng hợp (Summarize)</p> <p>Chia thành phần (Destructure)</p> <p>Tìm mối liên hệ (Correlate)</p> <p>Phản biện (Criticize)</p> <p>Tranh luận (Debate)</p> <p>Tìm đặc điểm (Characterize)</p> <p>Sơ đồ hóa (Diagram)</p> <p>Tối đa hóa (Maximize)</p> <p>Tối thiểu hóa (Minimize)</p> <p>Ngoại suy (Extrapolate)</p> <p>Suy luận (Deduce)</p> <p>Đồng tình (Approve)</p> <p>Phản đối (Disapprove)</p> <p>Đánh giá (Assess/Evaluate)</p> <p>Lựa chọn (Choose)</p> <p>Thỏa hiệp (Reconcile)</p> <p>Ủng hộ (Support)</p> <p>Xác trị (Validate)</p> <p>Xác nhận (Confirm/Verify)</p> <p>Xếp hạng (Grade/Rank/Rate)</p> <p>Phán quyết (Judge)</p> <p>Tiên đoán (Predict)</p> <p>Đưa ra kết luận (Conclude)</p> <p>Chẩn đoán (Diagnose)</p>
<p><b>Sáng tạo</b></p>	<p>Kiến tạo các mô hình hoặc cấu trúc từ các bộ phận nhỏ. Xây dựng sản phẩm mới</p>	<p>- Thiết kế kịch bản xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh thực tiễn công tác của học viên.</p>	<p>Viết (Write)</p> <p>Báo cáo (Report)</p> <p>Thiết kế (Design)</p> <p>Xây dựng (Build/Construct)</p> <p>Kết hợp (Combine/Incorporate)</p> <p>Sáng tác (Compose)</p> <p>Giải quyết (Solve)</p> <p>Chuẩn hóa (Standardize)</p> <p>Lập giả thuyết (Hypothesize)</p> <p>Phát triển (Develop)</p> <p>Lắp ráp (Assemble)</p> <p>Thay đổi (Change)</p> <p>Lập trình (Code/Program)</p> <p>Cải thiện (Improve)</p> <p>Chế tạo mới (Invent)</p> <p>Sắp xếp lại (Rearrange)</p>

			Tổ chức lại (Reorganize) Sửa lỗi (Debug/Correct) Lập kế hoạch (Plan/Lay out) Thực hiện (Perform) Lập công thức (Formulate) Khai thác (Cultivate)
--	--	--	---

**BẢNG 2. LĨNH VỰC TÂM VẬN ĐỘNG (KĨ NĂNG)**

Mức năng lực	Mô tả mức độ	Ví dụ mô tả chuẩn đầu ra	Gợi ý động từ sử dụng để viết chuẩn đầu ra
<b>Tiếp nhận</b>	Quan sát, tiếp nhận các hành động và hình thành biểu tượng vận động	- Phân biệt sự khác nhau giữa kỹ thuật sút bóng má trong và sút bóng má ngoài	Phân biệt (Differentiate)  Nhận diện (Identify/Recognize)  Giải thích (Explain) Kết nối (Connect) Thể hiện (Show/Display)  Phản ứng (React) Sẵn sàng (Volunteer) Liên hệ (Relate)
<b>Thao tác theo hướng dẫn</b>	Thực hiện hành động theo hướng dẫn hoặc theo mẫu	- Thực hiện kỹ thuật sút bóng má trong và sút bóng má ngoài theo hướng dẫn	Bắt chước (Copy)  Làm theo (Imitate) Lặp lại (Repeat) Thực hiện theo (Follow)  Các động từ mô tả vận động  (chạy, nhảy, múa, tạo hình, may, cắt, đập, cưa, khoan, trộn, đánh máy, đo, treo, hát, tính toán, quay, xoay, đá ...)
<b>Thao tác chính xác</b>	- Thực hiện hành động một cách chính xác mà không cần quan sát mẫu.  - Tự thực hiện được hành động một cách chính xác.	- Thực hiện kỹ thuật sút bóng má trong và sút bóng má ngoài một cách chính xác mà không cần quan sát mẫu.	Biểu diễn (Perform)  Thực hiện (Execute/Conduct)  Phối hợp (Coordinate) Giữ cân bằng (Balance) Kiểm soát (Control) Thành thực (Master)

			<p>Hoàn thiện (Complete)</p> <p>Các động từ mô tả vận động</p> <p>(chạy, nhảy, múa, tạo hình, may, cắt, đập, cưa, khoan, trộn, đánh máy, đo, treo, hát, tính toán, quay, xoay, đá ...) và các trạng từ thể hiện sự chính xác, thuần thực.</p>
<b>Điều chỉnh</b>	<p>Kết hợp các chuỗi hành động hoặc điều chỉnh hành động để đạt được độ hài hòa hoặc để phù hợp với yêu cầu</p>	<p>- Điều chỉnh lực sút bóng dựa vào khoảng cách từ chỗ đứng với cầu môn</p>	<p>Điều chỉnh (Adapt/Adjust)</p> <p>Thay thế (Replace)</p> <p>Thay đổi (Change/Alter)</p> <p>Phát triển (Develop)</p> <p>Sửa (Fix/Repair)</p> <p>Kết hợp (Combine)</p> <p>Đa dạng hóa (Vary)</p> <p>Chuẩn hóa (Standardize)</p> <p>Hoàn chỉnh (Complete)</p>
<b>Sáng tạo</b>	<p>Sáng tạo các hành động, chuỗi vận động, mẫu vận động, kỹ năng mới</p>	<p>- Xây dựng một bài tập aerobics tự chọn dựa vào 7 bước cơ bản của aerobics</p>	<p>Sáng tạo (Originate/Invent)</p> <p>Tạo ra (Create)</p> <p>Chế tác (Recreate)</p> <p>Kiến tạo (Construct)</p> <p>Thiết kế (Design)</p>





**BẢNG 3. LĨNH VỰC CẢM XÚC - THÁI ĐỘ**

<b>Mức độ</b>	<b>Mô tả mức độ</b>	<b>Ví dụ mô tả chuẩn đầu ra</b>
<b>Tiếp nhận hiện tượng</b>	Nhận thức hoặc chú ý đến hiện tượng, sẵn sàng lắng nghe	- Đọc các tài liệu về xử lý điểm nóng xã hội
<b>Phản ứng với hiện tượng</b>	Thể hiện một số hành vi như là kết quả của việc tiếp nhận hiện tượng	- Tham gia các cuộc thảo luận về xử lý điểm nóng xã hội

<b>Hình thành giá trị</b>	<p>Thể hiện sự liên quan, tham gia hoặc cam kết với hiện tượng, gán giá trị cho các cá thể, hiện tượng, hành vi, hoặc tình huống</p>	- Đề xuất phương án về xử lý điểm nóng xã hội
<b>Củng cố giá trị</b>	<p>Bổ sung giá trị mới vào hệ thống giá trị đã có sẵn của bản thân, sắp xếp, so sánh giá trị mới với các giá trị đã có.</p>	- Điều chỉnh phương án xử lý điểm nóng xã hội để có hiệu quả cao nhất.
	Hành động nhất quán	- Thực hiện được các

<b>Đặc trưng hóa</b>	dựa trên giá trị mới đã được thiết lập.	hoạt động để xử lý điểm nóng xã hội
----------------------	---	-------------------------------------



**THANG PHÂN LOẠI MỨC NĂNG I**

**Gợi ý động từ sử dụng để viết chuẩn đầu ra**

Chú ý tới (Attend to)

Lắng nghe (Listen)

Quan sát (Observe)

Chấp nhận (Accept)

Đọc (Read)

Ghi nhận (Acknowledge)

Đặt câu hỏi (Ask)

Mô tả (Describe)

Nhận diện (Identify)

Tuân thủ (Conform/Comply)

Thử (Try)

Lựa chọn (Select/Choose)

Tham gia (Participate)

Thảo luận (Discuss)

Trả lời (Answer)

Kể lại (Tell)

Thực hành (Practice)

Phản hồi (Reply)

Thể hiện (Demonstrate)

Làm theo (Follow)

Mức năng lực		Điểm NL tối thiểu	Điểm năng lực
Mức 5	K5	4,5	4,5 – 5,0
Mức 5	S5	4,5	
Mức 5	A5	4,5	
Mức 4	K4	3,5	3,5 – 4,4
Mức 4	S4	3,5	
Mức 4	A4	3,5	
Mức 4	C4	3,5	
Mức 3	K3	2,5	2,5 – 3,4
Mức 3	S3	2,5	
Mức 3	A3	2,5	
Mức 2	C2	1,5	
Mức 2	K2	1,5	1,5 – 2,4
Mức 2	S2	1,5	
Mức 2	A2	1,5	
Mức 1	K1	0,5	0,5 – 1,4
Mức 1	S1	0,5	
Mức 1	A1	0,5	
Mức 1	C1	0,5	

Hỗ trợ (Aid/Assist)

Tham dự (Attend)

Báo cáo (Report)

---

Tôn trọng (Respect)

Chia sẻ (Share)

Đề xuất

(Suggest/Propose)

Đánh giá (Evaluate)

Giữ gìn (Maintain)

Khen ngợi (Praise)

Ưu tiên (Prioritize)

Quan tâm tới (Care for)

Khuyến khích

(Encourage)

Đóng góp (Contribute)

Sử dụng (Adopt)

Tương tác (Interact)

Khởi xướng (Initiate)

Ủng hộ (Support)

---

Tổng hợp (Synthesize)

So sánh (Compare)

Sắp xếp (Arrange)

Điều chỉnh (Modify)

Hệ thống hóa

(Systematize)

Cân nhắc (Consider)

Thiết lập (Establish)

Phán xét (Judge)

Liên hệ (Relate)

Khái quát hóa

(Generalize)

---

Hành động (Act)

Bảo vệ giá trị (Defend)

Thông cảm (Sympathize)

Thấu cảm (Empathize)

Tư vấn (Counsel)

Phê phán (Criticize)

Tuyên truyền  
(Propagandize)

Khuyến khích (Promote)

Tạo ảnh hưởng  
(Influence)

Kiên trì theo đuổi  
(Persist)

Điều hành (Administer)

Ủng hộ (Advocate)



**LỤC CHUẨN ĐẦU RA****Mô tả mức năng lực của chuẩn đầu ra theo 3 lĩnh vực**

<b>Kiến thức (K)</b>	<b>Kỹ năng (S)</b>	<b>Thái độ (A)</b>
Sáng tạo	Sáng tạo	Đặc trưng hóa
(Creating)	(Origination)	(Characterization)
Phân tích, Đánh giá	Thích ứng	Củng cố giá trị
(Analyzing, Evaluating)	(Adaptation)	(Organization)
Áp dụng	Thao tác chính xác (Precision)	Hình thành giá trị (Valuing)
(Applying)		

Hiểu	Thao tác theo hướng dẫn (Manipulation)	Phản ứng với hiện tượng (Responding)
(Understanding)		
Nhớ	Tiếp nhận (Perception)	Tiếp nhận hiện tượng
(Remembering)		(Receiving)